

# NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA BREAKOUT ROOMS TRONG LỚP HỌC NGOẠI NGỮ TRỰC TUYẾN

NGUYỄN THỊ THÙY

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày nhận bài: 14/03/2022; Ngày phản biện, biên tập và sửa chữa: 25/03/2022; Ngày duyệt đăng: 04/04/2022

## ABSTRACT

*Covid-19 has led to the dominance and prevalence of online learning applications such as Zoom, Google Meet, Microsoft Teams, Google Forms, Google Classroom, and Flipgrid. The article aims to explore the impact of using Breakout rooms in online ESL classes on the Zoom platform. The study was conducted over a 3-month period as an ESL teacher and 70 first-year non-English majors at a university in Vietnam. Study participants (7 male and 63 female) responded to Google Form Survey questions. The results show that Breakout rooms have supported students to improve their ESL level, English teachers play an important role in supporting learners to use this service, and online learning is very useful.*

*Key words: Online learning, Google Meet, Zoom, Google Forms*

## A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Zoom là một ứng dụng có nhiều tính năng được cung cấp cho người học, cho phép nhiều người kết nối với nhau trong một khoảng cách rất xa. Người học chỉ cần trang bị một thiết bị điện tử như máy tính, máy tính bảng hay điện thoại thông minh có kết nối internet. Các tính năng của ứng dụng này phù hợp với các khía cạnh của bài học như phòng chờ ảo, chia sẻ tệp tài liệu, âm thanh, trò chuyện, bảng trắng, hiển thị web, chú thích và quan trọng nhất đó là phòng thực hành breakoutroom cho phép người học làm việc theo nhóm. Để tạo ra các phòng nhỏ breakout room, người dạy có thể tùy chọn cách tạo phòng ngẫu nhiên hoặc cho người học chọn phòng. Khi vào các phòng riêng, sinh viên có thể làm việc cùng nhau theo nhóm để hoàn thành một nhiệm vụ giáo viên giao. Nếu các nhóm cần bất kỳ sự trợ giúp nào, họ có thể sử dụng tính năng biểu tượng gờ bàn tay hoặc gửi tin nhắn, khi giáo viên nhận được các thông báo này sẽ vào phòng đó để giúp đỡ người học. Trong quá trình tham gia breakout rooms, cả người học và người dạy đều có những trải nghiệm tích cực và tiêu cực. Giáo viên có thể lo lắng, tức giận vì sinh viên tham gia chậm vào phòng breakout trong khi đó sinh viên có thể gặp sự cố về internet. Bài nghiên cứu này nhằm mục đích chỉ ra những thuận lợi và khó khăn mà sinh viên gặp phải từ phòng breakout trong giảng dạy trực tuyến. Nghiên cứu chủ yếu dựa trên quan điểm của người học. Những người tham gia nghiên cứu này là các sinh viên không chuyên tiếng Anh năm thứ nhất tại một trường Đại học.

## B. NỘI DUNG

### I. CÁC NGHIÊN CỨU VỀ KỸ THUẬT TRONG DẠY HỌC

#### 1. Thuyết hành vi (Behaviorism)

Học trực tuyến đã thay đổi hành vi của người học, vì vậy tâm lý học hành vi là sự lựa chọn tốt nhất để nghiên cứu và mô hình hóa những hành vi này. Lý thuyết đó đã đưa ra các mặt và các yếu tố về sự thay đổi hành vi dưới sự quan sát và các thang đo. Giáo dục đã phát động và chuyển đổi từ việc học trực tiếp sang tuyến xuất phát từ nguyên nhân đại dịch Covid 19 và việc đóng cửa các trường học và trường đại học đã dẫn đến các hành vi liên quan nhất định như nghỉ học, đưa lý do mất wi-fi, gian lận trong thi cử, mất hứng thú với việc học.

Giáo viên và người hướng dẫn có thể sử dụng tốt nhất lý thuyết này dựa trên khái niệm điều kiện hóa kết quả. Nguyên tắc này được phát triển bởi Skinner (1968). Khi giáo viên và người hướng dẫn xây dựng mối quan hệ với người học, củng cố, trao quyền, khuyến khích, động viên, hỗ trợ và khen ngợi họ, những khó khăn trong học trực tuyến sẽ được giải quyết một cách hiệu quả. Lý

thuyết học tập của Skinner thể hiện nền tảng cơ sở cho các khía cạnh khác nhau trong học tập như thi cử, kiểm tra, đánh giá mục tiêu học tập, học trực tuyến và học có máy tính hỗ trợ.

#### 2. Thuyết kết nối (Connectivism)

Lý thuyết được phát triển bởi Siemens, Downes và Cormier đã xây dựng khóa học trực tuyến mở lớn đầu tiên (MOOC). Lý thuyết đại diện cho một lý thuyết mới về học tập hoặc nhận thức luận. Theo bài trình bày của Downes (2014), có một số mối quan hệ và những kết nối kết hợp với nhau; cá nhân và quá trình học tập của họ, sự đóng góp kiến thức và mạng lưới người học. Hơn nữa, Downes đã bổ sung một số nguyên tắc học tập; (1) sự độc lập của người học xuất hiện trong việc lựa chọn tài liệu nghiên cứu. (2) độ mở về quyền truy cập khóa học. (3) sự đa dạng các cuộc thảo luận, đối thoại chẳng hạn như trong các phòng Breakout và quá trình đánh giá. (4) Sự tương tác phản ánh trong các phòng Breakout, nơi người học tương tác ngày càng nhiều cùng nhau và sau đó là trong phòng chính với cả lớp.

## II. NGHIÊN CỨU SỬ DỤNG BREAKOUT TRONG DẠY HỌC

Có một vài nghiên cứu đã chỉ ra tác động của breakout rooms từ quan điểm của người học. Cả Lucas Kohnke và Benjamin Moorhouse (2020) cho thấy trong nghiên cứu của họ "Học ngôn ngữ thông qua Zoom tạo cơ hội cho sinh viên tương tác, thảo luận, tham gia, chia sẻ và hợp tác. Breakout rooms làm giảm thời gian nói của giáo viên và tạo ra nguyên tắc lấy học sinh làm trung tâm trong học tập. Phòng breakout giúp giáo viên có thể theo dõi, khuyến khích, khen ngợi và đưa ra phản hồi. Việc sử dụng breakout rooms có thể gặp một số khó khăn như người học đăng nhập bằng các tên khác nhau để tránh việc tham gia. Ngoài ra, phiên bản zoom miễn phí bị giới hạn về thời gian (chỉ 40 phút)

Chandler và Kathy (2016) tranh luận trong nghiên cứu của họ có tựa đề "Sử dụng Breakout room trong Hướng dẫn Trực tuyến Đồng bộ về việc sử dụng phòng breakout ở quy mô nhỏ trong nhóm nhỏ làm việc thông qua trực tuyến đồng bộ trực tuyến, hướng dẫn sử dụng nền tảng Blackboard Collaborate trong hơn 10 tháng, kết quả phản ánh những lợi ích của phòng Breakout; cơ sở học tập hợp tác và tương tác, tiết kiệm thời gian cho theo dõi và đánh giá, xây dựng cho người học kỹ năng, sự tự tin và xóa bỏ các rào cản.

#### 1. Câu hỏi nghiên cứu

Tác động của việc sử dụng Breakout Rooms lên việc học tiếng Anh trực tuyến là gì? Nhận thức của sinh viên về việc học tiếng Anh trực tuyến sử dụng Breakout Room là gì?

## 2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng khảo sát trong bài nghiên cứu này là 70 sinh viên không chuyên Tiếng Anh năm thứ nhất tại một trường Đại học ở Việt Nam, trong đó có 7 sinh viên nam và 63 sinh viên nữ. Tất cả các đối tượng đều ở trình độ tiếng Anh B2. Do tác động của đại dịch Covid-19 nên họ đều học trực tuyến.

## 3. Phương pháp nghiên cứu và thu thập dữ liệu

Trong quá trình giảng dạy sinh viên, người nghiên cứu đã sử dụng Breakout Rooms từ tháng 10 đến tháng 1 năm 2021. Dữ liệu được thu thập thông qua bài khảo sát Google Forms như một nguồn thu thập thông tin chính. Đây là cách thức thu thập dữ liệu khả thi và thuận tiện trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19. Theo Edelmayer (2020), người nghiên cứu có thể thực hiện nhiều cuộc thăm dò một lúc dựa trên tài khoản cá nhân. Hơn nữa, sinh viên cũng đã quen với các Google biểu mẫu trong quá trình học tập trực tuyến. Điều này là một lợi thế lớn cho cả người tham gia trả lời và việc thu thập, phân tích dữ liệu mà không gặp bất kì khó khăn nào.

## 4. Việc phân tích kết quả

Cuộc khảo sát có một số câu hỏi cho những người tham gia. Có nhiều các tùy chọn để người tham gia lựa chọn mức đồng ý (Không hề, Một chút, Vừa phải, Rất, Cực kỳ).

Với câu hỏi 1: Breakout rooms có hữu ích với những vấn đề ngôn ngữ mà bạn gặp phải không?, 73,2% người tham gia rất đồng ý rằng phòng Breakout giúp loại bỏ các vấn đề ngôn ngữ mà họ gặp phải trong bài học. Trong khi đó câu trả lời ở mức đồng ý vừa phải (18,6%) và cực kỳ đồng ý (16%). Tuy nhiên, những sinh viên cảm thấy Breakout Rooms đang có tác động nhẹ đáp ứng 11,6%. Cuối cùng, Chi có 16,3% những người tham gia cho rằng phòng Breakout hoàn toàn không giúp ích gì trong việc giải quyết các vấn đề về ngôn ngữ.

Giáo viên đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn người học trong suốt quá trình sử dụng Breakout Room. Trong câu hỏi số 2: Giáo viên tiếng Anh có hỗ trợ bạn trong quá trình sử dụng Breakout rooms không?, 54% sinh viên đã trả lời rằng giáo viên đã rất tích cực hỗ trợ trong khi 33% chọn mức cực kì đánh giá cao sự trợ giúp của người dạy. Vai trò của giáo viên rất cần thiết trong học trực tuyến khi họ di chuyển từ phòng này sang phòng khác để cho kiểm tra, giám sát, gửi biểu tượng cảm xúc để khích lệ, khen ngợi, động viên và theo dõi sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc học trực tuyến.

Khi được hỏi về việc tác động của việc học trực tuyến lên trình độ tiếng Anh thì có 37% người tham gia tuyên bố trình độ tiếng Anh của họ được cải thiện rất nhiều, cao hơn so với 30% sinh viên trả lời với mức phản hồi vừa phải. Chi khoảng 14% người học cảm thấy được cải thiện một chút, 7% ở mức tiến bộ hoàn toàn và 12% sinh viên không thấy mình thay đổi gì.

Một lần nữa, vai trò quan trọng của giáo viên được người học đánh giá cao khi họ được hỏi liệu giáo viên tiếng Anh ở học kì vừa qua có hướng dẫn họ tốt khi học trực tuyến không khi có đến 47% sinh viên thừa nhận rằng người dạy đã cực kì sát sao họ trong việc học online. Con số này cao hơn so với 37% người chọn mức rất tốt.

Ngoài ra, Breakout Rooms hỗ trợ và xây dựng thái độ nhận thức và xã hội của sinh viên hướng tới việc tiếp thu ngôn ngữ tiếng Anh. Do đó, 49% người tham gia nghĩ phòng Breakout rất hữu ích, cao nhất trong số các mức tùy chọn khác.

Bên cạnh đó, trong quá trình học trực tiếp, sinh viên được làm quen với việc làm việc theo nhóm. Việc sử dụng Breakout room sẽ giúp họ được đổi mới và gây hứng thú với họ. Do đó, 44% phản hồi rằng Breakout room rất hiệu quả trong việc cải thiện công việc nhóm, cao hơn so với những người xem xét nó cực kỳ cải thiện công việc nhóm ở mức 30%. Hơn nữa, 14% người tham gia thừa nhận rằng các phòng Breakout có tác động vừa phải trong việc cải thiện công việc nhóm cao hơn so với các phản hồi một chút ở mức 5%.

Một nguyên tắc cơ bản của phòng Breakout là tạo ra sự tương tác, hợp tác và làm việc nhóm giữa những người học trực tuyến. Những người tham gia trả lời đã tin tưởng rằng Breakout rooms đã tăng tương tác và hợp tác ở mức cực kỳ là 28%, cao hơn so với những người chọn mức rất 26% và vừa phải ở mức 23%. Trong khi những người tham gia coi Breakout rooms không làm tăng tương tác ở mức 11,6%.

Mức độ hiểu và hoàn thành các hoạt động nhóm trong Breakout Rooms đã được ghi lại khi có 33% người tham gia trả lời ở mức rất hiểu khi các nhiệm vụ và hoạt động được đưa ra trong lớp. Trong khi đó, tỷ lệ chọn mức cực kỳ hiểu là 21%, cao hơn so với những người tham gia chọn mức độ hiểu biết vừa phải ở mức 19%. Tuy nhiên, chỉ có 7% sinh viên chọn không mức hiểu.

Ở một câu hỏi khác khi được hỏi về mức độ hài lòng khi áp dụng Breakout Rooms trong học trực tuyến thì có 37% số người tham gia cho rằng họ rất hài lòng với hoạt động đó. Điều này cao hơn so với số người chọn mức cực kì hài lòng (28%) và hài lòng vừa phải (23%).

## 5. Kết quả và thảo luận

Lợi ích của việc sử dụng Breakout rooms:

*Thứ nhất*, Breakout rooms giải quyết các vấn đề về ngôn ngữ. Sau nhiều phân hướng dẫn sử dụng Breakout rooms, các học viên có thể thực hiện từng bước với thao tác làm việc nhóm trên màn hình chính và khi chuyển sang phòng nhóm riêng biệt. Các nhiệm vụ đã được giải quyết như các nhóm đã có thể thảo luận các hoạt động ngôn ngữ, sự tương tác giữa các thành viên nhóm tăng cao. Không những thế, vì có giới hạn thời gian thảo luận nhóm nên các hoạt động được kiểm soát và tạo sự nghiêm túc để hoàn thành nhiệm vụ của mỗi nhóm.

*Thứ hai*, trình độ tiếng Anh đã tiến bộ trong quá trình học trực tuyến. Việc học trực tuyến đã trở nên phổ biến và quen thuộc trong bối cảnh dịch bệnh nên người học tự thấy mình phải chấp nhận và thích nghi với việc học đó. Vì vậy, các sinh viên đã thực hành các nhiệm vụ khác nhau trong Breakout rooms và đạt được kết quả tốt trong bài thi kết thúc môn học so với kết quả bài thi đầu vào. Có thể thấy rằng, sinh viên có cơ hội được thực hành tiếng Anh trong quá trình làm việc nhóm trong Breakout rooms, đặc biệt các kĩ năng như nghe, nói, đọc và viết.

*Thứ ba*, hỗ trợ làm việc nhóm. Covid-19 đã ngăn không cho sinh viên gặp mặt trực tiếp, tuy nhiên họ nhận thấy các phòng Breakout là giải pháp thay thế tốt nhất để hỗ trợ lẫn nhau trong học trực tuyến. Sự hỗ trợ này không chỉ về mặt học thuật, mà còn về mặt xã hội và về mặt tinh cảm. Họ không chỉ sử dụng breakout rooms để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ giáo viên đưa ra mà đó có thể là nơi họ tương tác hỏi thăm lẫn nhau. Việc phân công trường nhóm có thể kiểm soát được thời gian làm việc nhóm cũng như chất lượng công việc họ hoàn thành. Tuy nhiên, người nghiên cứu cũng nỗ lực cải thiện sự khác biệt giữa các sinh viên bằng cách chỉ định một trường nhóm mới để kiểm tra xem ai sẽ làm việc nhiều hơn và các thành viên tích cực trong mỗi nhóm. Sinh viên dường như thoải mái hơn trong việc tương tác với nhau cả trong và sau thời gian làm việc nhóm. Điều này mang lại tính xã hội rất cao. Việc xem xét các yếu tố trong dạy và học có ảnh hưởng quan trọng đến thái độ học tập và giáo dục gắn với những phát hiện của Foronda và nghiên cứu của Lippincott (2014).

*Thứ tư*, tính chuyên nghiệp của giáo viên. Những ngày đầu sau khi trường học đóng cửa, không có nhiều khóa đào tạo về việc hướng dẫn sử dụng các ứng dụng phụ đạo trực tuyến cho giáo viên. Vì vậy mà có rất nhiều thách thức, khó khăn trong việc hiểu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc dạy trực tuyến. Bên cạnh nhiệm vụ chính là giảng dạy, giáo viên còn phải học cách ứng dụng công nghệ trong dạy học ngôn ngữ, khai thác các ứng dụng, chia sẻ màn hình, tệp tài liệu, thư mục, bảng trắng, trang

( Xem tiếp trang 42)

học. Chỉ những giảng viên chịu đầu tư thời gian, công sức, trí tuệ vì sự nghiệp chung, coi nghiên cứu khoa học là hoạt động quan trọng, cần thiết của người giảng viên thì lúc đó mới có những sản phẩm khoa học tri tuệ thực sự.

#### **Ba là, chế độ, chính sách, kinh phí đối với các hoạt động khoa học**

Đây là yếu tố không thể thiếu bởi chế độ, chính sách, kinh phí hoạt động khoa học chính là tiền đề, là đòn bẩy, là động lực quan trọng để động viên, khuyến khích sự nỗ lực của những người làm khoa học. Trong xã hội, lợi ích kinh tế được coi là động lực cơ bản và trực tiếp, song đối với hoạt động nghiên cứu khoa học nếu được quan tâm thực hiện đúng mức, nó còn cho chúng ta nhiều hơn thế. Chỉ tiêu, định mức công tác, các danh hiệu thi đua chỉ là một phần, điều quan trọng hơn cả là tư cách, phẩm giá, danh dự của một trí thức... điều này khó có thể định giá được trong những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Những bất cập về chế độ, chính sách, sự quan tâm đãi ngộ chưa thỏa đáng, sự thiếu công bằng trong nhìn nhận, đánh giá, tôn vinh... là nguyên nhân làm giảm động lực và sự nhiệt tình của người giảng viên trong nghiên cứu khoa học. Khi các nhà trường có những quy định cụ thể, rõ ràng về tiêu chuẩn, định mức nghiên cứu khoa học, có cách thức quy đổi và chế độ đãi ngộ hợp lý, tương xứng với sự cống hiến thì giảng viên sẽ nỗ lực, say sưa, tâm huyết hơn trong nghiên cứu khoa học.

#### **Bốn là, môi trường nghiên cứu khoa học**

Năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên chỉ được phát huy trong một môi trường tốt, bao gồm môi trường chuyên môn, tinh thần làm việc và điều kiện vật chất, phương tiện nghiên cứu khoa học. Nói đến môi trường chuyên môn là nói đến những điều kiện, nhân tố thuận lợi cho các hoạt động chuyên môn được diễn ra một cách bài bản, quy củ; là nơi tổ chức các hoạt động chuyên môn một cách nề nếp để nâng cao chất lượng chuyên môn. Một môi trường chuyên môn dân chủ, bình đẳng tạo điều kiện cho mỗi giảng viên thể hiện được năng lực soạn bài, giảng bài, ứng dụng công nghệ tin học trong thiết kế giáo án điện tử, năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, kết hợp linh hoạt các phương pháp sư phạm... thì tất yếu năng lực chuyên môn của mỗi người sẽ được củng cố và phát

huy; đồng thời, năng lực nghiên cứu khoa học của mỗi giảng viên cũng từ đó được nâng cao.

Bên cạnh đó, tinh thần làm việc cũng là yếu tố không thể thiếu trong nghiên cứu khoa học. Không khí khẩn trương, sôi động, cần mẫn, cần trọng, nghiêm túc từ mọi hoạt động trong môi trường làm việc và môi trường chuyên môn sẽ thúc đẩy, cuốn hút mọi người vào guồng xoay bận rộn nhưng đầy đam mê, hứng khởi, đồng thời truyền cảm hứng cho người khác. Ngược lại, tâm trạng thoái mái, vui vẻ, niềm đam mê, sẵn sàng nghiên cứu lại là liều thuốc bổ tạo sự hứng khởi trong công việc, giúp cho chất lượng, hiệu quả, năng lực hoạt động khoa học được nâng lên. Thay vì tìm kiếm sự giúp đỡ hoặc chờ đợi sự đôn đốc, thúc ép từ phía người quản lý hoặc người khác, mỗi giảng viên sẽ thử thách chính mình và chịu trách nhiệm với những việc mình làm một cách nghiêm túc nhất có thể. Đôi khi sự ỷ lại trong công việc sẽ là rào cản vô hình làm giảm chế năng lực làm việc và nghiên cứu khoa học.

Đồng thời, để có môi trường nghiên cứu khoa học tốt, cần phải có các điều kiện vật chất, phương tiện nghiên cứu khoa học đầy đủ, phù hợp. Một nơi làm việc ổn định với phòng làm việc tương đối đầy đủ tiện nghi, máy vi tính, máy in, hệ thống mạng Internet, Thư viện điện tử, công thông tin điện tử thông suốt... sẽ góp phần tạo nên môi trường nghiên cứu khoa học thuận lợi. Ngược lại, cơ sở vật chất xuống cấp, thiếu những phương tiện, dụng cụ cần thiết nếu trên sẽ cản trở hoặc làm cho các hoạt động khoa học trở nên trì trệ, kém năng động, ít hiệu quả.

Năng lực hoạt động khoa học của đội ngũ giảng viên các nhà trường quân đội có được nâng cao và phát huy tốt hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố, song cơ bản là ở bốn yếu tố nêu trên. Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của các yếu tố này sẽ giúp tạo ra cơ sở để xuất các biện pháp để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên của các nhà trường quân đội trong thời gian tới.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

(1) Nguyễn Xuân Quy (2015), Một số biện pháp phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh trong dạy học hóa học, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 6 (72), tr.5.

## **NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA...**

(Tiếp theo trang 28)

web, âm thanh, kiểm soát việc bật tiếng và tắt tiếng, sử dụng các biểu tượng, Breakout rooms, ... Việc thành thạo các tính năng công nghệ đã giúp giáo viên thành công hơn trong bài giảng của mình và tạo sự chuyên nghiệp trong mắt người học.

Hạn chế của việc sử dụng Breakout rooms:

**Thứ nhất,** các kỹ năng áp dụng công nghệ của giáo viên. Như đã thảo luận trước đó, những kỹ năng ứng dụng công nghệ trong dạy học sẽ tạo nên sự hiệu quả trong các bài giảng. Tuy nhiên, một số giáo viên chưa thành thạo với việc quản lý lớp học trên không gian trực tuyến thì gặp phải rất nhiều những khó khăn thách thức ngoài mong muốn. Các hiện tượng như các hình ảnh phản cảm xuất hiện bất ngờ trên màn hình lớp học, các âm thanh không liên quan chen ngang trong quá trình giảng bài... nếu người dạy không có kỹ năng xử lý công nghệ thành thạo sẽ gây ra nhiều vấn đề và trở ngại trong việc truyền tải nội dung bài giảng.

**Thứ hai,** Các vấn đề kỹ thuật. Học trực tuyến dựa trên phương tiện internet như máy tính để bàn, máy tính xách tay, iPod, máy tính bảng và điện thoại di động. Không phải gia đình nào cũng có đủ điều kiện để trang bị những máy móc đó cho việc học tập. Ngoài ra, khi việc trực tuyến trở nên phổ biến rộng rãi, số lượng người sử dụng internet tăng cao thì dẫn đến vấn đề có thể phát sinh là internet bị chậm chạp hoặc mất kết nối. Điều này ảnh hưởng nhiều tới chất lượng học tập.

#### **6. Lời khuyên cho giáo viên trong quá trình sử dụng Breakout rooms**

Giáo viên nên nắm được số lượng sinh viên trong lớp học của mình và căn cứ số lượng đó để thiết kế bài học sử dụng breakout rooms sao cho phù hợp; Giáo viên nên kết hợp sinh viên với các vấn đề kỹ thuật trong một phòng để

đảm bảo công việc hiệu quả cho các sinh viên khác; Giáo viên nên chỉ định nhóm trưởng cho mỗi nhóm để tạo điều kiện thuận lợi cho công việc trong các phòng Breakout và trong phòng chính; Giáo viên nên kích hoạt tính năng "chia sẻ" trước khi chuyển học sinh sang Breakout rooms; Giáo viên nên trả lời nhanh những sinh viên xin được hỗ trợ; Giáo viên nên ảnh của mình trong quá trình chuyển từ phòng này sang phòng khác để sinh viên tiếp tục làm việc mà không bị phân tâm; Giáo viên nên gửi biểu tượng cảm xúc khen ngợi vì sinh viên đã làm việc chăm chỉ; Giáo viên nên có điểm thưởng để khuyến khích cho nhóm tốt nhất trong Breakout rooms.

#### **C. KẾT LUẬN**

Nghiên cứu này đã làm sáng tỏ hơn về những lợi ích của việc sử dụng Breakout rooms để giúp sinh viên nâng cao trình độ ngôn ngữ của họ, tăng sự tương tác và hợp tác của họ, giảm bớt những khó khăn gặp phải trong việc thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động được giao trong lớp học, tăng thêm trách nhiệm và vai trò của giáo viên. Những nghiên cứu trong tương lai có thể làm rõ hơn những khó khăn và giải pháp trong việc học trực tuyến nói chung và trong Breakout rooms nói riêng.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chandler, K. (2016), Using breakout rooms in synchronous online tutorials. Journal of Perspectives in Applied Academic Practice, 4(3), 10.14297/jpaap.v4i3.216.  
2. Downes, S. (2014), The MOOC of One, Stephen's Web, March 10.  
3. Johnson, D. W., Johnson, R. T., & Smith, K. A. (2014), Cooperative learning: Improving university instruction by basing practice on validated theory. Journal on Excellence in University Teaching, 25(4), 1-26.  
4. Lorenz, Taylor; Griffith, Erin; Isaac, Mike (March 17, 2020), "We Live in Zoom Now". The New York Times. ISSN 0362-4331. Archived from the original on March 23, 2020. Retrieved March 23, 2020.